

## Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE: CTG)

### Tăng trưởng tích cực

**Cập nhật KQKD Q3/2024: Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của CTG đạt 21.916 tỷ đồng, tăng 26,0% so với cùng kỳ (“svck”) năm trước**, đóng góp phần lớn bởi sự tăng trưởng mạnh từ thu nhập lãi thuần ghi nhận 15.577 tỷ đồng, tăng 19,0% svck, trong khi thu nhập từ hoạt động dịch vụ ghi nhận tăng đột biến 47,2%, đạt 6.339 tỷ đồng trong Quý 3/2024, đóng góp phần lớn từ hoạt động kinh doanh chứng khoán. Nhìn chung, TOI của CTG duy trì được đà tăng trưởng từ đầu năm, đây là tín hiệu tốt cho thấy CTG ghi nhận tăng trưởng vượt trội, trong khi nhiều ngân hàng ghi nhận giảm tại quý Q3/2024 sau khi tăng trưởng đột biến tại Quý 2/2024.

- NIM ghi nhận giảm xuống mức 2,89% so với mức 3,04% ghi nhận ở Quý 2/2024 và tương đương với Q3/2023 (2,88%).
- Thu nhập ngoài lãi trong Q3/2024 tăng mạnh chủ yếu do hoạt động xử lý nợ đến lại khoản thu nhập cao gấp 3 lần so với cùng kỳ.
- Chi phí trích lập ghi nhận 9.269 tỷ đồng, tăng 24,6% svck.
- CIR ghi nhận tăng lên 27,8% so với mức 25,8% trong Q2/2024.
- Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 6.553 tỷ đồng, tăng 34,5% svck.

**Tăng trưởng tín dụng từ đầu năm:** đạt 9,0% tính đến cuối Quý 3/2024, tương đương cả ngành (+9,0% YTD) trải đều ở tất cả phân khúc, trong đó tăng trưởng chủ yếu ở lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, nông nghiệp, vật liệu xây dựng, điện,... Theo phân khúc khách hàng:

- Nhóm KHDN: nhóm khách hàng FDI ghi nhận tăng trưởng tín dụng tích cực nhất (+17,8%) trong các phân khúc cho vay của CTG.
- Nhóm KHCN: nhóm khách hàng cá nhân duy trì dẫn đầu tỷ trọng dẫn đầu phân khúc cho vay của CTG, ghi nhận mức tăng trưởng ổn định (+11,8%).

### Tỷ lệ nợ xấu:

- Tỷ lệ nợ xấu/ dư nợ cho vay giảm 0,12% so với Q2/2024 xuống 1,45%.
- Nợ nhóm 2 duy trì ở mức 1,44%.
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 153%, cao hơn đáng kể so với mức 113,8% của Q2/2024 nhưng vẫn nằm trong top 3 toàn ngành.

**Lũy kế 9 tháng**, TOI ghi nhận 60.623 tỷ đồng, tăng 16% svck, bao gồm thu nhập từ lãi thuần ghi nhận tăng 19,68% trong khi thu nhập ngoài lãi ghi nhận mức tăng trưởng 6,3%. Tăng trưởng tín dụng tích cực đi cùng với NIM được duy trì ở mức 2,9% giúp thu nhập lãi thuần duy trì được mức tăng trưởng. Thu nhập ngoài lãi được hỗ trợ bởi thu nhập từ hoạt động xử lý nợ (+41,5% YoY), trong khi thu nhập từ phí tăng nhẹ +3,5% YoY. Chi phí trích lập dự phòng trong 9T2024 đạt 25.135 tỷ đồng (+12,1% YoY). CIR đạt 26,4%, giảm nhẹ so với mức 27,1% trong 9T2023.

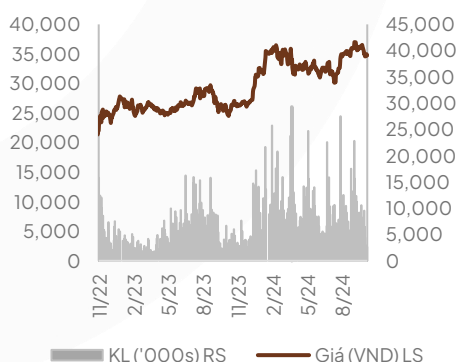
Tổng kết lại, LN trước chi phí DPRRTD đạt 44,6 nghìn tỷ đồng (+17,4% YoY), LNNT trong 9T2024 đạt 19.513 tỷ đồng (+12,1% YoY).

Ngành	Ngân hàng
Khuyến nghị	Giữ
Giá mục tiêu 1Y	38.800 VND
Giá cp 31/10/2024	35.700 VND
Upside (%)	8,68%

### THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HOSE: CTG
KLGD TB 52 tuần	7.664.855 CP
Khối lượng lưu hành	5.369.991.748 CP
Biên độ 52 tuần	24.521 – 37.000 VND
Vốn hóa doanh nghiệp	186.497 tỷ VND
Beta	1,12
Sở hữu NĐTNN	26,49%

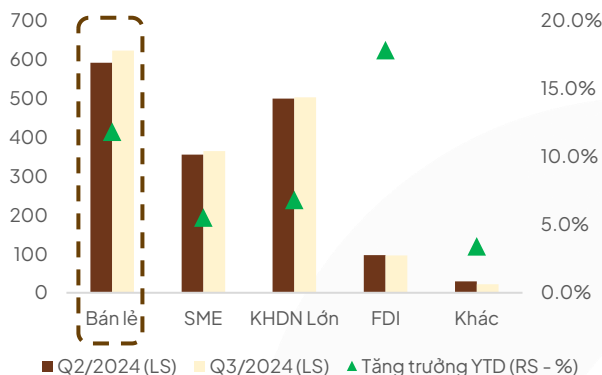
### Diễn biến giá cổ phiếu CTG



## PHÂN KHÚC CHO VAY VÀ TIỀN GỬI

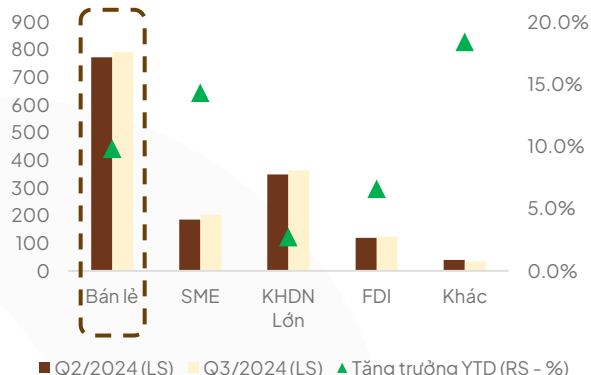
### Tăng trưởng tín dụng tích cực 9% YTD

Đơn vị: nghìn tỷ



### Tăng trưởng TGKH đạt 7,5% YTD

Đơn vị: nghìn tỷ



Nguồn: Báo cáo quý 3/2024 CTG & LPBS Research

## CHỈ TIÊU KINH DOANH 2024

- Tổng tài sản: Tăng trưởng từ 8% - 10%.
- Dư nợ tín dụng: Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ.
- Nguồn vốn huy động: Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản
- Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng: < 1,8%.
- LNTT riêng lẻ: Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (VietinBank tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột và chủ đạo của nền kinh tế).
- Cổ tức: Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.
- Các tỷ lệ an toàn hoạt động: Tuân thủ quy định của NHNN.

# QUICK NOTE – FS Update CTG (Q3/2024)

## PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh (Tỷ đồng)	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi vay	132.672	133.096	151.379
Chi phí lãi vay	79.714	69.220	78.588
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>52.957</b>	<b>63.876</b>	<b>73.201</b>
Thu nhập từ phí dịch vụ	7.114	7.574	8.331
Thu nhập ngoài lãi khác	10.477	9.351	10.936
Tổng thu nhập ngoài lãi	17.591	16.925	19.267
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>70.548</b>	<b>80.801</b>	<b>92.468</b>
Chi phí hoạt động	20.443	24.025	28.419
Chi phí quản lý khác	0	0	0
Tổng chi phí hoạt động	20.443	24.025	28.419
<b>LN từ HĐKD trước dự phòng</b>	<b>50.105</b>	<b>56.775</b>	<b>64.048</b>
Chi phí dự phòng	25.115	27.212	25.332
Thu nhập/chi phí khác	0	0	0
<b>LN trước thuế</b>	<b>24.990</b>	<b>29.563</b>	<b>38.716</b>
Thuế	4.945	5.859	7.690
<b>LN ròng</b>	<b>20.045</b>	<b>23.704</b>	<b>31.026</b>
Lợi ích CĐTS/cổ tức ưu đãi	(141)	(141)	(141)
LN ròng được chia	19.904	23.562	30.885
Số CP lưu hành cuối năm (tr)	5.370	5.370	5.370
Số CP bình quân gia quyền (tr)	5.370	5.370	5.370
EPS (VND)	3.147	3.554	4.716

Tỷ lệ (%)	2023	2024F	2025F
<b>Khả năng sinh lời</b>			
NIM	2,90%	3,03%	2,96%
Lợi suất tài sản sinh lãi	7,28%	6,18%	5,82%
Chi phí huy động	4,64%	3,36%	3,05%
CIR	31,52%	26,15%	27,08%
ROAA	1,1%	1,1%	1,3%
ROAE	17,0%	19,7%	19,3%
<b>Thanh khoản</b>			
CAR theo Basel II	9,50%	9,84%	10,18%

Cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024F	2025F
Tiền và tương đương tiền	9.760	9.770	9.738
Tiền gửi tại NHNN	40.597	41.409	45.550
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	279.842	285.438	313.982
Cho vay khách hàng	1.445.572	1.661.107	1.901.441
Đầu tư dài hạn	3.426	3.441	3.441
Tài sản và trang thiết bị	10.126	10.469	11.228
Tài sản khác	243.291	241.734	234.887
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.032.614</b>	<b>2.253.368</b>	<b>2.520.267</b>
Nợ NHNN	21.814	43.000	30.000
Huy động & vay liên ngân hàng	304.322	304.322	304.322
Vốn cho vay và ủy thác khác	2.238	2.794	2.794
Tiền gửi khách hàng	1.410.899	1.587.261	1.817.414
Giấy tờ có giá	115.376	129.798	148.618
Nợ khác	51.913	41.095	46.657
<b>Tổng nợ</b>	<b>1.906.742</b>	<b>2.108.270</b>	<b>2.349.805</b>
Vốn CSH của cổ đông	125.011	144.096	169.422
Lợi ích CĐTS	861	1.002	1.041
<b>Tổng nợ và vốn CSH</b>	<b>2.032.614</b>	<b>2.253.368</b>	<b>2.520.267</b>

Tỷ lệ (%)	2023	2024F	2025F
<b>Tăng trưởng</b>			
Tăng trưởng cho vay	15,5%	14,5%	14,5%
Tăng trưởng tiền gửi	12,9%	12,5%	14,5%
Tăng trưởng LNNT	19,3%	18,3%	31,0%
<b>Chất lượng tài sản</b>			
Nhóm 2 / Tổng dư nợ	1,55%	1,55%	1,55%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1,13%	1,13%	1,13%
Chi phí tín dụng	1,7%	1,7%	1,4%

Nguồn: Fiinpro & LPBS Research

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Phòng Phân tích chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân tích không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân tích - CTCP Chứng Khoán LPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán LPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank

#### Tòa nhà Thaisquare The Merit

43-45-47 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 730 98198

### Phòng Phân tích

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)